

THÔNG TƯ

**Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định,
phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển, kế hoạch an ninh cảng biển
và cấp lý lịch liên tục của tàu biển**

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 6/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 191/2003/QĐ-TTg ngày 16/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung năm 2002 một số chương của Công ước Quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển;

Thực hiện quy định của sửa đổi, bổ sung năm 2002 một số chương của Công ước Quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 74) ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ luật IPS); Nghị quyết số 5 về thúc đẩy hợp tác và hỗ trợ kỹ thuật ngày 12/12/2002 của Hội nghị quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển;

Theo đề nghị của Vụ trưởng vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển, kế hoạch an ninh cảng biển và cấp lý lịch liên tục của tàu biển như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển, kế hoạch an ninh cảng biển cho các cảng biển, bến cảng hoặc cầu cảng (sau đây gọi chung là cảng biển) tiếp nhận tàu biển hoạt động trên tuyến quốc tế; cấp lý lịch liên tục của tàu biển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến việc quản lý và khai thác cảng biển tiếp nhận tàu biển sau đây hoạt động trên tuyến quốc tế:

- a) Tàu khách;
- b) Tàu hàng có tổng dung tích từ 500 GT trở lên;
- c) Giàn khoan di động ngoài khơi.

2. Các tổ chức, cá nhân khai thác các loại tàu biển Việt Nam quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

3. Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ hàng hải, Cơ quan Đăng ký tàu biển, Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

Điều 3. Mức thu

Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài khi được Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ hàng hải thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển; thẩm định, phê duyệt kế hoạch an ninh cảng biển, cấp lý lịch liên tục của tàu biển phải nộp phí theo Biểu Danh mục phí như sau:

STT	Danh mục phí	Mức thu (đồng/lần)
1	Thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển lần đầu hoặc định kỳ 5 năm	15.000.000
2	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch an ninh cảng biển lần đầu hoặc định kỳ 5 năm	20.000.000
3	Thẩm định cấp lý lịch liên tục của tàu biển	1.500.000
4	- Thẩm định, phê duyệt hàng năm, bổ sung, cấp lại (do mất, rách...) đánh giá an ninh cảng biển; - Thẩm định, phê duyệt hàng năm, bổ sung, cấp lại (do mất, rách...) kế hoạch an ninh cảng biển; - Thẩm định cấp bổ sung, cấp lại (do mất, rách...) lý lịch liên tục của tàu biển.	Thu bằng 20% mức thu của các mục 1, 2 và 3 tương ứng của Biểu Danh mục phí này.

Điều 4. Cơ quan thu

1. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thu phí thẩm định, phê duyệt kế hoạch an ninh cảng biển; thẩm định cấp lý lịch liên tục của tàu biển; và các trường hợp thẩm định, phê duyệt hàng năm, bổ sung, cấp lại tương ứng, quy định tại điểm 2, 3 và 4 Biểu Danh mục phí, Điều 3 Thông tư này.

2. Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm thu phí thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển; và các trường hợp thẩm định, phê duyệt hàng năm, bổ sung, cấp lại đánh giá an ninh cảng biển tương ứng, quy định tại điểm 1 và 4 Biểu Danh mục phí, Điều 3 Thông tư này.

Điều 5. Quản lý và sử dụng phí

Khoản phí quy định tại Thông tư này là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý và sử dụng như sau:

1 Cơ quan thu phí được để lại 90% (chín mươi phần trăm) số tiền thu được để trang trải chi phí cho việc thẩm định, phê duyệt và thu phí theo các nội dung chi cụ thể sau:

a) Chi trả các khoản tiền lương hoặc tiền công, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo tiền lương, tiền công, theo chế độ hiện hành cho cán bộ làm công tác thẩm định, phê duyệt và thu phí;

b) Chi phí trực tiếp phục vụ cho việc thu phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, điện thoại, điện, nước, công tác phí, công vụ phí, đi lại... theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành;

c) Chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn, bảo trì tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho công tác thẩm định, phê duyệt và thu phí;

d) Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu, các máy móc thiết bị quản lý phục vụ trực tiếp cho công tác thẩm định, phê duyệt và thu phí;

đ) Chi thuê phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thẩm định, phê duyệt và thu phí;

e) Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến việc thẩm định, phê duyệt và thu phí;

g) Chi khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ có liên quan trực tiếp đến việc thẩm định, phê duyệt và thu phí trong đơn vị theo nguyên tắc bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay cao hơn năm trước và bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay thấp hơn hoặc bằng năm trước;

2. Tổng số tiền phí thu được, sau khi trừ số tiền được trích theo tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều này, số còn lại (10%) cơ quan thu phí phải nộp vào ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương) theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Đối với khoản phí thẩm định, phê duyệt kế hoạch an ninh cảng biển (bao gồm: thẩm định, phê duyệt lần đầu hoặc định kỳ 5 năm; thẩm định, phê duyệt hàng năm, bổ sung, cấp lại do mất, rách), cơ quan thu phí được để lại 90% số phí thu được theo quy định tại khoản 1 Điều này, số này được xác định là 100% và thực hiện phân bổ như sau:

a) Cục Hàng hải Việt Nam được trích 90% để quản lý sử dụng theo quy định.

b) Chuyển 10% số còn lại cho Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải. Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải quản lý chi tiêu theo các nội dung chi quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Toàn bộ số tiền phí được để lại theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan thu phải cân đối vào kế hoạch tài chính năm. Quá trình quản lý sử dụng đúng nội dung chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và phải có chứng từ hóa đơn hợp pháp theo quy định. Quyết toán năm, nếu chưa chi hết số tiền được để lại chi thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

5. Việc thu, nộp, quản lý sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí phí thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển, kế hoạch an ninh cảng biển và cấp lý lịch liên tục của tàu biển không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí, Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002, Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 18/10/2010 của Chính phủ, Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 05/11/2013 và thay thế Quyết định số 33/2005/QĐ-BTC ngày 1/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển, kế hoạch an ninh cảng biển, cấp sổ lý lịch tàu biển theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí, cơ quan thu phí và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn. / *lvt*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính
- Cục Hàng hải Việt Nam, các Cảng vụ hàng hải;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, vụ CST (CST5) (400)

